

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2021/HS-ST

Ngày: 21-9-2021.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Quân.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Định.

Bà Nguyễn Thị Dung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Kiều Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Văn Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 44/2021/TLST-HS ngày 30 tháng 8 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2021/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 9 năm 2021 đối với bị cáo:

Phạm Đình T; sinh năm 1994; tại Nam Định.

Nơi ĐKKHKT và cư trú: Thôn C, xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Đình T và bà Nguyễn Thị C; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” theo Lệnh số 27 ngày 22-6-2021 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V, tỉnh Nam Định (Có mặt).

- Bị hại: Ông Vũ Văn D, sinh năm 1955; ĐKKHKT tại: Thôn N, xã Đ, huyện V, tỉnh Nam Định (Đã chết).

Người đại diện hợp pháp của bị hại:

+ Bà Vũ Thị M; sinh năm 1949 - Là vợ ông của D (Có mặt).

+ Chị Vũ Thị H; sinh năm 1977 - Là con của ông D (Vắng mặt).

+ Anh Vũ Văn C; sinh năm 1979 - Là con của ông D (Vắng mặt).

+ Chị Vũ Thị H; sinh năm 1980 - Là con của ông D (Vắng mặt).

Đều ĐKKHKT tại: Thôn N, xã Đ, huyện V, tỉnh Nam Định.

Người đại diện theo ủy quyền của bà M, chị H, chị H, anh C: Anh Trần Văn H; sinh năm 1983; cư trú tại: Thôn N, xã Đ, huyện V, tỉnh Nam Định; theo giấy ủy quyền lập ngày 28-4-2021 (Có mặt).

- Người làm chứng:

- + Anh Nguyễn Thế C; sinh năm 1973 (Vắng mặt).
- + Bà Vũ Thị T; sinh năm 1965 (Vắng mặt).
- + Chị Đoàn Thị T; sinh năm 1996 (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Phạm Đình T có giấy phép lái xe mô tô hạng A1. Khoảng 06 giờ 50 phút ngày 22 tháng 4 năm 2021, bị cáo một mình điều khiển xe mô tô nhãn hiệu HONDA, số loại WAVE, dung tích 109 cm³, BKS 18D1-01392 đi từ nhà của mình theo đường Quốc lộ 38B hướng Y đi thành phố Nam Định để ra Công ty may Nam Tiếp ở Khu công nghiệp A, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định để làm (Bị cáo là công nhân của Công ty may Nam Tiếp). Khoảng 07 giờ cùng ngày, bị cáo điều khiển xe mô tô đi đến Km 94+200 Quốc lộ 38B thuộc địa phận thôn A, xã Đ, huyện V, tỉnh Nam Định; đoạn đường này thẳng, trải nhựa áp phan phẳng, tầm nhìn thoáng, không có biển báo hiệu giao thông đường bộ nào, mặt đường rộng 08m, ở tim đường có vạch kẻ đường bằng sơn màu trắng dạng nét đứt chia mặt đường thành hai chiều đường riêng biệt là chiều Y đi thành phố Nam Định và chiều ngược lại; chiều đường Y đi thành phố Nam Định có lề đường rộng 0,5m, ngoài lề là Trại tạm giam Công an tỉnh Nam Định; chiều đường thành phố Nam Định đi Y có lề đường rộng 0,5m, ngoài lề là khu dân cư. Lúc này bị cáo đang điều khiển xe mô tô đi ở chiều đường bên phải theo hướng Y đi thành phố Nam Định và ở phía trước cùng chiều với xe mô tô bị cáo điều khiển có một chiếc xe ô tô khách đang di chuyển, bị cáo bật xi nhan bên trái rồi điều khiển xe mô tô đi sang chiều đường của xe ngược chiều để vượt chiếc xe ô tô khách đi cùng chiều và cùng lúc này ở chiều đường hướng thành phố Nam Định đi Y có ông Vũ Văn D; sinh năm 1955; trú tại thôn N, xã Đ, huyện V, tỉnh Nam Định đang điều khiển xe máy nhãn hiệu CUBTHAILAND, BKS 18BA-00336 đang đi đến gần chỗ chiếc xe ô tô khách. Nhưng bị cáo lại không chú ý quan sát, không nhìn thấy xe máy do ông D điều khiển đang đi đến, bị cáo vẫn tiếp tục vượt chiếc xe ô tô khách và khi vượt được khoảng ½ chiều dài của chiếc xe ô tô khách thì xe máy do ông D điều khiển cũng đi đến nơi. Lúc này do khoảng cách giữa xe mô tô bị cáo điều khiển và xe máy ông D điều khiển đã quá gần nên bị cáo đã không kịp có bất cứ một hình thức, hành động xử lý an toàn giao thông đường bộ nào và bị cáo đã để cho bánh trước của xe mô tô mình điều khiển xô vào thanh kim loại giá đỡ chân người điều khiển, chân chống phụ bên trái của xe máy do ông D điều khiển làm cho cả ông D, bị cáo và hai phương tiện đều bị đổ, ngã xuống đường. Hậu quả làm cho ông D bị thương nặng được đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Nam Định sau đó thì bị tử vong cùng ngày, bị cáo bị thương nhẹ, hai phương tiện đều bị hư hỏng một số bộ phận.

Tại bản kết luận giám định pháp y tử thi số 518/GĐKTHS ngày 28-4-2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nam Định đã kết luận: Nguyên nhân ông Vũ Văn D chết là do chấn thương sọ não, vỡ xương hộp sọ, chảy máu nội sọ; cơ chế: Vùng đầu do va đập.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V đã tạm giữ và thu giữ các đồ vật, tài liệu gồm: 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, số loại WAVE, BKS 18D1-01392; 01 xe máy nhãn hiệu CUBTHAILAND, BKS 18BA-00336; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 014312, BKS 18BA-00336; 01 giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy số 007131, BKS 18D1-01392; 01 giấy phép lái xe hạng A1, số 790179073474, mang tên Phạm Đình T. Ngày 20-5-2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V đã trả lại cho bị cáo T 01 chiếc xe mô tô BKS 18D1-01392 và 01 giấy chứng nhận đăng ký của xe, số 007131 và trả lại cho anh Trần Văn H là người đại diện theo ủy quyền của những người đại diện hợp pháp của người bị hại 01 chiếc xe máy BKS 18BA-00336 và 01 giấy chứng nhận đăng ký của xe, số 014312.

Về trách nhiệm dân sự: Ngày 09-5-2021, bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho gia đình người bị hại tổng số tiền là 95.000.000 đồng, người đại diện theo ủy quyền của những người đại diện hợp pháp của người bị hại đã nhận đủ số tiền nêu trên và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm, đồng thời có đơn đề nghị miễn truy cứu trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Tại cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V, bị cáo Phạm Đình T đã thành khẩn khai báo về toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung đã nêu ở trên.

Cáo trạng số 45/CT-VKSVB ngày 27-8-2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định đã truy tố bị cáo Phạm Đình T về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo điểm a khoản 1 Điều 260 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Phạm Đình T đã thành khẩn khai báo về toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung đã nêu ở trên và tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bản thân và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt.

Bà Vũ Thị M và anh Trần Văn H đều trình bày: Trong giai đoạn điều tra hai bên đã tự nguyện thỏa thuận giải quyết xong với nhau về việc bồi thường và bị cáo đã bồi thường cho gia đình người bị hại tổng số tiền là 95.000.000 đồng rồi nên nay không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm khoản gì nữa, đồng thời xin giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố, sau khi phân tích đánh giá các chứng cứ buộc tội đối với bị cáo và đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và động cơ, mục đích phạm tội của bị cáo đã giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo như bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử như sau:

- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phạm Đình T phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

- Về điều luật áp dụng và hình phạt: Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b, điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Đình T từ 12 tháng đến 15 tháng cải tạo không giam giữ và miễn khấu trừ một phần thu nhập cho bị cáo.

- Về xử lý vật chứng: Trả lại cho bị cáo 01 giấy phép lái xe hạng A1, số 790179073474, mang tên Phạm Đình T.

- Về trách nhiệm dân sự: Trong giai đoạn điều tra các bên đã tự nguyện thỏa thuận giải quyết xong với nhau về việc bồi thường, tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của những người đại hợp pháp của người bị hại cũng không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm khoản gì nữa. Vì vậy, không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo phải nộp theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng: Xét thấy hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V, của Điều tra viên, của Viện kiểm sát nhân dân huyện V, của Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi và quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều là hợp pháp.

[2]. Về tội danh đối với hành vi của bị cáo: Xét thấy lời khai nhận tội của bị cáo Phạm Đình T tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo, của người làm chứng tại cơ quan điều tra và phù hợp với vật chứng của vụ án cùng toàn bộ các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án. Nên, Hội đồng xét xử đã có đủ căn cứ để kết luận: Khoảng 07 giờ, ngày 22 tháng 4 năm 2021 tại Km 94+200 đường Quốc lộ 38B thuộc địa phận thôn A, xã Đ, huyện V, tỉnh Nam Định, bị cáo Phạm Đình T đã thực hiện hành vi điều khiển chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, số loại WAVE, dung tích 109 cm³, BKS 18D1-01392 đi ở chiều đường bên phải theo hướng Y đi thành phố Nam Định và cùng lúc này ở phía trước cùng chiều với xe mô tô bị cáo điều khiển cũng đang có một chiếc xe ô tô khách đang di chuyển và ở chiều đường ngược lại (hướng thành phố Nam Định đi Y) cũng đang có một chiếc xe máy nhãn hiệu CUBTHAILAND, BKS 18BA-00336 do ông Vũ Văn D; sinh năm 1955; trú tại thôn N, xã Đ, huyện V, tỉnh Nam Định điều khiển đang đi đến gần. Nhưng bị cáo vẫn điều khiển xe mô tô của mình đi sang chiều đường ngược chiều để vượt chiếc xe ô tô khách và khi bị cáo vượt được khoảng ½ chiều dài của chiếc xe ô

tô khách thì chiếc xe máy do ông D điều khiển cũng đi đến nơi và bị cáo đã để cho bánh trước của chiếc xe mô tô do mình điều khiển xô vào thanh kim loại giá đỡ chân người điều khiển, chân chống phụ bên trái của chiếc xe máy do ông D điều khiển làm cho cả ông D, bị cáo và hai phương tiện đều bị đổ, ngã ra đường. Hậu quả làm cho ông D bị thương nặng và đến 18 giờ 25 phút cùng ngày thì bị tử vong, bị cáo bị thương nhẹ và hai phương tiện đều bị hư hỏng một số bộ phận.

Xét hành vi bị cáo T điều khiển xe mô tô vượt chiếc xe ô tô khách trong đoạn đường đang có xe máy do ông D điều khiển chạy ngược chiều là vi phạm quy tắc giao thông đường bộ khi vượt xe được quy định tại khoản 2 Điều 14 của Luật giao thông đường bộ nên đã vô ý gây ra vụ tai nạn giao thông và hậu quả làm cho ông D bị tử vong. Đối chiếu hành vi của bị cáo và hậu quả xảy ra với những quy định của Bộ luật Hình sự hiện hành thì thấy hành vi đó của bị cáo đã cấu thành tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 của Bộ luật Hình sự. Vì vậy, quan điểm truy tố và luận tội của Viện kiểm sát nhân dân huyện V đối với hành vi của bị cáo về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo điểm a khoản 1 Điều 260 của Bộ luật Hình sự là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

[3]. Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội: Xét hành vi của bị cáo đã xâm hại đến sự hoạt động bình thường của người và các phương tiện tham gia giao thông đường bộ và gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự, an toàn về giao thông đường bộ tại địa phương. Vì vậy, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội nên cần phải buộc bị cáo chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của bản thân và cần phải áp dụng loại hình phạt cũng như mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội cũng như nhân thân của bị cáo để cải tạo, giáo dục bị cáo nói riêng, đồng thời cũng là để răn đe phòng ngừa tội phạm nói chung.

[4]. Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Về nhân thân: Trước lần phạm tội này bị cáo chưa có vi phạm pháp luật gì, lần phạm tội này là lần đầu.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong giai đoạn điều tra bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại đầy đủ cho gia đình người bị hại để khắc phục hậu quả; tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đều đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; ngoài ra người đại diện theo ủy quyền của những người đại diện hợp pháp của người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và hoàn cảnh của gia đình bị cáo có khó khăn được chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú xác nhận. Do đó, bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, điểm s khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5]. Về đường lối xử lý hành vi phạm tội của bị cáo: Căn cứ vào tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và động cơ, mục đích phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo phạm tội lần đầu, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng và có khả năng tự cải tạo được. Do đó không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi môi trường ngoài xã hội mà chỉ cần dưới sự quản lý, giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú cũng có thể cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người công dân tốt, có ích cho gia đình và xã hội được. Nên, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 36 của Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo hình phạt cải tạo không giam giữ là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về việc khấu trừ thu nhập: Xét thấy nghề nghiệp của bị cáo là công nhân, nhưng thu nhập của bị cáo thấp và lại không được ổn định; ngoài ra hoàn cảnh kinh tế của gia đình bị cáo cũng có khó khăn, bị cáo là lao động duy nhất trong gia đình. Nên, Hội đồng xét xử không khấu trừ một phần thu nhập của bị cáo.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Xét trong giai đoạn điều tra các bên đã tự nguyện thỏa thuận giải quyết xong với nhau về việc bồi thường thiệt hại và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của những người đại diện hợp pháp của người bị hại cũng không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm khoản gì nữa. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7]. Về xử lý vật chứng: Xét thấy giấy phép lái xe hạng A1, số 790179073474, mang tên Phạm Đình T không có liên quan gì đến hành vi phạm tội của bị cáo. Nên, Hội đồng xét xử trả lại cho bị cáo.

[8]. Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b, điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự.

1.1. Tuyên bố bị cáo Phạm Đình T phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

1.2. Xử phạt bị cáo Phạm Đình T 12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định nhận được quyết định thi hành án và bản án của Tòa án.

Giao bị cáo Phạm Đình T cho Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định giám sát, giáo dục.

Bị cáo Phạm Đình T phải thực hiện những nghĩa vụ quy định tại Luật Thi hành án hình sự.

2. Xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trả lại cho bị cáo Phạm Đình T 01 Giấy phép lái xe hạng A1, số 790179073474, mang tên Phạm Đình T.

(Vật chứng đang được quản lý tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Nam Định theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 01-9-2021).

3. Án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Phạm Đình T phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo, anh H và bà M được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; chị H, chị H và anh C được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án tại nơi cư trú cuối cùng của người vắng mặt.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người đại diện theo ủy quyền;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện + tỉnh;
- Công an huyện V;
- Chi cục THADS;
- Sở Tư pháp tỉnh Nam Định;
- UBND xã Y;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Văn Quân

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Văn Quân

